

Bản án số: 92/2025/HS-PT
Ngày 29-5-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Lâm.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thanh Tùng;

Bà Trần Thị Thắm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Minh Như - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Phương Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 92/2025/TLPT-HS ngày 29 tháng 4 năm 2025, do có kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 258/2022/HSST ngày 13 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Bị cáo:

Hoàng Thị T, sinh năm 1984 tại tỉnh Nam Định; nơi thường trú: xóm G, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn T1 và bà Kim Thị N; bị cáo có chồng tên Ngô Văn S (đã ly hôn); bị cáo có 03 con (con lớn nhất sinh năm 2002, con nhỏ nhất sinh năm 2014); tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 08 tháng 7 năm 2021 đến ngày 29 tháng 8 năm 2022 bị bắt tạm giam. Bị cáo có mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có 01 bị hại, do không kháng cáo, không bị kháng nghị và không liên quan đến kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào năm 2018, Hoàng Thị T nhận chuyển nhượng phần đất có diện tích 150m² tại phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương và được cấp 01 (một) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có

thông tin tên người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất là: “Hoàng Thị T, năm sinh: 1984, CCCD số: 036184008919, địa chỉ thường trú: xã H, huyện H, tỉnh Nam Định”, thửa đất số 4109, tờ bản đồ số 27, địa chỉ tại khu D, phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương, sổ vào sổ cấp GCN: CS 46430, số chứng nhận: CN 376339, do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh B cấp ngày 09/08/2018.

Đến khoảng đầu năm 2019, do cần tiền để trả nợ nên T đã mang giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên đi thế chấp tại Ngân hàng thương mại cổ phần S1 - S2, chi nhánh B, thành phố Hồ Chí Minh. Do lo sợ sự việc trên bị gia đình phát hiện nên T đã nảy sinh ý định lên mạng xã hội nhờ người làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với mục đích thay thế giấy chứng nhận thật đã mang đi thế chấp tại ngân hàng để che giấu không cho gia đình biết. Thực hiện ý định trên, T sử dụng mạng xã hội tìm hiểu và liên hệ với một đối tượng (không rõ lai lịch, địa chỉ) để đặt làm giả 01 (một) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mang tên “Hoàng Thị T, năm sinh: 1984, CCCD số: 036184008919, địa chỉ thường trú: xã H, huyện H, tỉnh Nam Định” với giá 2.000.000 đồng.

Đến ngày 09/11/2020, do T cần tiền để làm vốn kinh doanh buôn bán nên T đã sử dụng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do T đã đặt làm giả trước đó để làm tài sản thế chấp nhằm thực hiện việc vay tiền của ông Lê Đức T2 (sinh năm: 1984, hộ khẩu thường trú: Thôn Đ, xã N, huyện T, tỉnh Bắc Ninh) với số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) theo hợp đồng cho cá nhân vay tiền được lập vào ngày 09/11/2020, thời hạn vay đến ngày 09/01/2021.

Đến ngày 09/01/2021, do T không có tiền để trả lại cho ông T2 nên T và ông T2 thỏa thuận thống nhất ký kết hợp đồng đặt cọc tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 4109, tờ bản đồ số 27, địa chỉ tại khu D, phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Hoàng Thị T, sổ vào sổ cấp GCN: CS 46430, số chứng nhận: CN 376339, có đóng dấu mộc đỏ của Sở tài nguyên và môi trường tỉnh B mà T đã thế chấp cho ông T2 trước đó, giá trị chuyển nhượng là 1.100.000.0000 đồng (Một tỷ một trăm triệu đồng), theo đó số tiền 200.000.000 đồng mà ông T2 đã cho T vay trước đó sẽ chuyển thành tiền đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

Đến ngày 18/01/2021, trong lúc ông T2 kiểm tra giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà T đã thế chấp cho ông trước đó thì phát hiện giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không có đề ngày tháng năm, nghi vấn có dấu hiệu làm giả nên ông T2 yêu cầu T đi kiểm tra thì lúc này T thừa nhận với ông T2 giấy tờ trên là giả nên ông T2 đến Cơ quan Công an phường B, thành phố T để trình báo sự việc trên.

Tại Kết luận giám định số: 171/GĐ-PC09 ngày 29/4/2021 của Phòng K Công an tỉnh B xác định: 01 (một) “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất” mang tên Hoàng Thị T, sinh năm: 1984, CCCD: 036184008919, đề năm 2018 (ký hiệu A) là giả, phôi và hình dấu tròn trên tài liệu giám định (ký hiệu A) được tạo bằng phương pháp in phun màu điện tử.

Tại bản Cáo trạng số 206/CT-VKS-TA ngày 01 tháng 7 năm 2022 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An và công văn số 49/CV-VKS-TA ngày 08 tháng 8 năm 2022 đã truy tố bị cáo Hoàng Thị T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 và tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

Bản án hình sự sơ thẩm số: 258/2022/HSST ngày 13 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

Áp dụng Điều 54, điểm a khoản 3 Điều 174; khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự; Điều 55, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về trách nhiệm hình sự: tuyên bố bị cáo Hoàng Thị T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

Xử phạt bị cáo Hoàng Thị T 05 (năm) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 09 (chín) tháng tù về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 06 (sáu) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 29 tháng 8 năm 2022.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 11 tháng 10 năm 2022, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương có kháng nghị số 62/QĐ-VKSBD kháng nghị bản án hình sự sơ thẩm nêu trên về phần tội danh và hình phạt đối với Hoàng Thị T về phần tội danh và hình phạt đối với Hoàng Thị T. Đề nghị Tòa cấp phúc thẩm xét xử theo hướng kết án Hoàng Thị T về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” quy định tại điểm b khoản 3 Điều 341 của Bộ luật hình sự.

Tại Bản án hình sự phúc thẩm số: 272/2022/HS-PT ngày 01 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương đã quyết định:

Không chấp nhận kháng nghị của của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm nêu trên. Và quyết định:

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; khoản 1 Điều 341, Điều 54, Điều 55, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Hoàng Thị T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Xử phạt bị cáo Hoàng Thị T 05 (năm) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 09 (chín) tháng tù về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 06 (sáu) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 29 tháng 8 năm 2022.

Ngày 06 tháng 10 năm 2023, Viện kiểm sát nhân dân Cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh có Quyết định kháng nghị Giám đốc thẩm số: 260/QĐ-VC3-V1 đề nghị Hủy Bản án hình sự phúc thẩm số: 272/2022/HS-PT ngày 01 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương đã tuyên đối với bị cáo Hoàng Thị T về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” để xét xử lại theo quy định pháp luật.

Tại Quyết định số: 90/2024/HS-GĐT ngày 25 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, quyết định: hủy Bản án hình sự phúc thẩm số: 272/2022/HS-PT ngày 01 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương về phần tội danh, hình phạt về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương để xét xử phúc thẩm lại theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu ý kiến: hành vi bị cáo T là sử dụng tài liệu giả để thực hiện hành vi của tội phạm rất nghiêm trọng khác là lừa đảo chiếm đoạt tài sản có giá trị 200.000.000 đồng. Do vậy, hành vi của bị cáo Hoàng Thị T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự và tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” với tình tiết định khung “Sử dụng con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng” theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 341 của Bộ luật Hình sự. Do đó, kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương có căn cứ xem xét chấp nhận. Do đó, đề nghị:

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, điểm a khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương; sửa một phần bản án hình sự sơ thẩm số: 258/2022/HS-ST ngày 13 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương về phần tội danh và hình phạt đối với bị cáo Hoàng Thị T, theo hướng từ tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo quy định khoản 1 Điều 341 BLHS sang tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo quy định điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự và tăng hình phạt đối với bị cáo T về tội danh này: mức án đề nghị từ 03 (ba) năm đến 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt của 02 tội đối với bị cáo Hoàng Thị T.

Bị cáo nói lời nói sau cùng: mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo để bị cáo được sớm trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương trong thời hạn luật định, hợp lệ nên vụ án được xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an, Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, hành vi của Điều tra viên, Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử sơ thẩm thực hiện việc điều tra, truy

tổ và xét xử sơ thẩm đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Tòa án cấp sơ thẩm xác định. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở kết luận: Do lo sợ bị gia đình phát hiện việc mang giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đi thế chấp tại Ngân hàng nên bị cáo T đã nảy sinh ý định lên mạng xã hội FACEBOOK nhờ người làm giả 01 (một) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mang tên “Hoàng Thị T, năm sinh: 1984, CCCD số: 036184008919, địa chỉ thường trú: Xã H, huyện H, tỉnh Nam Định” với giá 2.000.000 đồng mục đích thay thế giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thật đã mang đi thế chấp. Sau đó, biết rõ tài liệu trên là giả nhưng vẫn sử dụng để thực hiện hành vi lừa dối người khác để chiếm đoạt tài sản của người khác cụ thể do cần tiền để làm vốn kinh doanh buôn bán nên bị cáo đã sử dụng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã đặt làm giả trước đó để làm tài sản thế chấp nhằm thực hiện việc vay 200.000.000 đồng của ông Lê Đức T2. Sau đó, do không có tiền trả nợ nên bị cáo lại tiếp tục thực hiện việc đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giả trên để chuyển nhượng cản trở cho việc vay mượn số tiền trên.

[4] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến hoạt động hành chính nhà nước được pháp luật bảo vệ, khi thực hiện hành vi sử dụng giấy tờ giả bị cáo biết rõ là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện, bị cáo đủ tuổi, đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Do đó, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” quy định tại Điều 341 của Bộ luật hình sự. Do hành vi của bị cáo sử dụng giấy tờ tài liệu giả của cơ quan tổ chức để thực hiện hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản đã bị xét xử theo điểm a khoản 3 Điều 174 của bộ luật hình sự. Đây là tội rất nghiêm trọng. Do đó hành vi sử dụng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả của bị cáo đã phạm điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự.

[5] Cáo trạng số 206/CT-VKS-TA ngày 01 tháng 7 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” điểm a khoản 3 Điều 174 của bộ luật hình sự và tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự là có cơ sở và đúng quy định của pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” điểm a khoản 3 Điều 174 của bộ luật hình sự là có căn cứ và tuyên phạt bị cáo mức hình phạt 05 năm 3 tháng tù là phù hợp. Khi xét xử sơ thẩm tòa án cấp sơ thẩm đã xác định hành vi trên của bị cáo phạm vào “Làm giả tài liệu, con dấu của cơ quan tổ chức” theo khoản 1 Điều 341 của Bộ luật hình sự là chưa phù hợp và không đúng tội danh. Do đó, kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bình

Dương xét xử bị cáo về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Tuy nhiên, tại Quyết định giám đốc thẩm số: 90/2024/HS-GĐT ngày 25 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh chỉ hủy Bản án hình sự phúc thẩm số 272/2022/HS-PT ngày 01 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương về phần tội danh và hình phạt về tội danh “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Do đó, đối với phần tội danh và hình phạt 05 năm 03 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” đã tuyên tại bản án phúc thẩm số 272/2022/HS-PT ngày 01 tháng 12 năm 2022 đã có hiệu lực pháp luật. Vì vậy, khi tuyên phạt bị cáo hình phạt về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” thì cần tổng hợp với hình phạt 05 năm 03 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” đã có hiệu lực nói trên.

[7] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã tự nguyện trả lại cho bị hại số tiền 200.000.000 đồng, bị cáo có cha Hoàng Văn T1 là người có công với nhà nước, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên Hội đồng xét xử xem xét áp dụng điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo

[8] Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương về việc đề nghị chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Kháng nghị của Viện kiểm sát được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[10] Các phần khác của quyết định án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 344, Điều 345, Điều 355 và điểm c khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015,

1. Chấp nhận kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tại Quyết định kháng nghị số: 62/QĐ-VKSBD ngày 11 tháng 10 năm 2022, sửa bản án hình sự sơ thẩm số: 258/2022/HS-ST ngày 13 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương về phần tội danh và hình phạt đã tuyên về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”

2. Về trách nhiệm hình sự: Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 341, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 55 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Hoàng Thị T phạm tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”; xử phạt bị cáo Hoàng Thị T 03 (ba) năm tù.

Tổng hợp với hình phạt 05 (năm) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” của Bản án hình sự phúc thẩm số: 272/2022/HS-PT ngày 01 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương, buộc bị cáo Hoàng Thị T phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 08 (tám) năm 3 (ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 29 tháng 8 năm 2022.

3. Về án phí: bị cáo không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.